

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HSST

Ngày 28-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Mai Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai Thu.

Ông Hoàng Trọng Giáp.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Đức Định –Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Lộc Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2020/HSST ngày 10 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Vũ Trọng T –Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 17/02/1985, tại Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn N, xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Trọng T (đã chết) và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955; có vợ là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2015, hiện vợ con bị cáo trú tại thôn N, xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Tiền sự: Ngày 20/11/2018 bị Toà án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng (Quyết định số 34/QĐ-TA); Tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 08/12/2015 bị Công an xã A, thành phố Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Ngày 28/12/2015 bị Công an thành phố Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Ngày 20/01/2016 bị Công an thành phố Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Ngày 27/01/2016 bị Công an thành phố Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Ngày 05/10/2018 bị Công an thành phố Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Ngày 24/8/2016 bị Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (bản án số 23/2016/HSST). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2020. Có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Đức Tr, sinh năm 2000 – Có mặt

Nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Đỗ Xuân H, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Tổ 8 (56b cũ), phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Có mặt.

Người làm chứng: Anh Lục Trung N, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 1, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Đắc Tr, sinh năm 2000, trú tại thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang là công nhân trông coi bến cát của Công ty M nên đã đến sống và sinh hoạt tại lán tạm của công ty thuộc thôn M, xã M (nay là xã Y), huyện T, tỉnh Yên Bái. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 16/01/2020, Tr để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS MAX, màu đen trong lán để sạc pin rồi đi xuống bến cát làm việc. Khoảng một giờ Tr quay lại lán thì thấy chiếc điện thoại đã bị mất nên Tr đến Công an xã M, huyện T để trình báo sự việc. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã khám nghiệm hiện trường vụ việc, đồng thời kiểm tra, trích xuất camera an ninh của lán phát hiện trong khoảng thời gian từ 12 giờ 25 phút đến 12 giờ 30 phút có một nam thanh niên đội mũ bảo hiểm màu đen, mặc áo đỏ, quần đen đi vào trong lán, sau đó đi ra với biểu hiện nghi vấn.

Đến 18 giờ ngày 17/01/2020 Vũ Trọng T, sinh năm 1985, trú tại thôn N, xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái đến Công an huyện T đầu thú và khai nhận như sau: Khoảng 12 giờ ngày 16/01/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô đi qua khu vực bến cát của Công ty M thuộc thôn M, xã M (nay là xã Y), huyện T, khi dừng xe đi vệ sinh bị cáo quan sát phát hiện quanh khu vực lán tạm không có người, bên trong lán có 01 chiếc điện thoại đang sạc pin được đặt ở trên phản nên nảy sinh ý định trộm cắp. Bị cáo đã đi vào rút dây sạc pin, lấy chiếc điện thoại cất vào túi quần bên phải của mình rồi quay lại chỗ để xe. Sau đó, bị cáo điều khiển xe đến khu vực nhà máy may thuộc địa phận xã A, thành phố Y thì dừng lại để kiểm tra thì thấy đây là điện thoại nhãn hiệu Iphone XS MAX, nhưng cài mật khẩu không mở được. Bị cáo đi đến cửa hàng điện thoại của Đỗ Xuân H, sinh năm 1976, trú tại tổ 8 (56b cũ), phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Tại đây, bị cáo nói với H “*Anh có mua điện thoại để bán linh kiện không, điện thoại vợ em mua qua mạng, điện thoại này gửi về cài đặt mật khẩu không mở được*” và đưa chiếc điện thoại cho H, H cầm điện thoại kiểm tra và nói “*Sao không gọi cho vợ hỏi mật khẩu*”, bị cáo trả lời “*Vợ gọi cho người bán nhưng không liên lạc được*”, H đồng ý mua và trả 1.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bán và cầm số tiền trên tiêu sài cá nhân hết 400.000 đồng, còn 600.000 đồng bị cáo tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra.

Tại kết luận về việc định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 17/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T đã kết luận: “*Định giá 01(một)chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS MAX, màu đen, đã qua sử dụng tại thời điểm tài sản bị xâm hại ngày 16/01/2020, chiếc điện thoại nêu trên có giá trị là 24.000.000 đồng x 80% = 19.200.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm nghìn đồng).*”

Tại bản kết luận giám định số 47/KLGĐ ngày 31/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái đã kết luận: “*Toàn bộ số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) gửi giám định đều là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành*”.

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKSTY ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Vũ Trọng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, thừa nhận toàn bộ các hành vi phạm tội của bản thân như bản cáo trạng của Đại diện Viện kiểm sát huyện T, tỉnh Yên Bái là đúng.

Bị hại anh Nguyễn Đắc Tr xác nhận sự việc và yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc điện thoại là 19.200.000 đồng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Vũ Trọng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Vũ Trọng T từ 12 tháng đến 18 tháng tù, thời gian tính từ ngày bắt 17/01/2020; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS MAX cơ quan điều tra không thu được.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Đắc Tr trị giá chiếc điện thoại là 19.200.000 đồng.

Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản hiện trường, phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 12 giờ ngày 16/01/2020 tại thôn M, xã M

(nay là Y) Vũ Trọng T đã lợi dụng sự sơ hở, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Đức Tr 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS MAX trị giá 19.200.000 đồng. Xét bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên đã cố ý thực hiện. Hành vi bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ, hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống cộng đồng. Động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là vụ lợi cá nhân. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xét xử nghiêm minh.

[4] Nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vũ Trọng T là đối tượng nghiện chất ma túy, ngày 20/11/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng (Quyết định số 34/QĐ-TA) hiện đang được tạm đình chỉ thì phạm tội (chưa được xoá), ngày 08/12/2015 bị Công an xã A, thành phố Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, Ngày 28/12/2015 bị Công an thành phố Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Ngày 20/01/2016 bị Công an thành phố Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Ngày 27/01/2016 bị Công an thành phố Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Ngày 05/10/2018 bị Công an thành phố Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, Ngày 24/8/2016 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” bản án số 23/2016/HSST (đã được xoá án tích), nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã tự nguyện nộp lại một phần tiền, thành khẩn khai báo và khi bị phát hiện bị cáo đã ra đầu thú đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận định trên, trên cơ sở xem xét toàn diện tính chất, mức độ, hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người nghiện chất ma túy, không có tài sản, thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Các đối tượng khác:

- Đối với Đỗ Xuân H là người mua chiếc điện thoại Iphone XS MAX của Vũ Trọng T, nhưng H không biết là tài sản do trộm cắp mà có, hơn nữa Tâm cũng

không nói cho H biết là tài sản trộm cắp được. Vì vậy, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Đắc Tr yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc điện thoại là 19.200.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của bị hại là phù hợp được chấp nhận.

[8] Về vật chứng:

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS MAX cơ quan điều tra không thu hồi được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với số tiền 600.000 đồng của Vũ Trọng T tự nguyện nộp khi đầu thú. Vì vậy, cần trả số tiền này cho người bị hại anh Nguyễn Đắc Tr.

[9] Về án phí: Bị cáo chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Trọng T phạm tội "Trộm cắp tài sản".
2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Trọng T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17-01-2020.
3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Vũ Trọng T phải bồi thường cho anh Nguyễn Đắc Tr số tiền là 19.200.000 đồng (*Mười chín triệu hai trăm nghìn đồng*), bị cáo đã nộp 600.000 đồng (*theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái*) bị cáo còn phải thi hành 18.600.000 đồng (*Mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng*).
Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Tr có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không trả hết số tiền kể trên, thì hàng tháng bị cáo còn phải trả thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.
4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21, điểm a, d khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Vũ Trọng T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 930.000 đồng (*Chín trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo phải chịu là 1.130.000 đồng (*Một triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*).
5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- THA hình sự (2);
- Lưu hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Mai Hằng